

Bản án số: 147/2025/DS-PT  
Ngày: 04/7/2025  
*Về việc tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạt

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Bà Phạm Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***

Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2025/TLPT-DS ngày 04/4/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1344/2025/QĐXXPT-DS ngày 21/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2078/2025/QĐ-PT ngày 02/6/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị B, sinh năm 1956

Địa chỉ: 28 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, T phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà B:* Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).  
(Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2024).

**- Bị đơn:** Ông Bùi Văn P, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã L1, tỉnh Vĩnh Long).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Dương Thị B Trúc L2, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã L1, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Bùi Văn P và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo bản án sơ thẩm,***

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2024, bản tự khai ngày 05/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị B do ông Phạm Quang H là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Trước đó khoảng 02 - 03 tháng kể từ ngày 02/7/2023, bà Lê Thị B có cho ông Bùi Văn P vay số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng thời điểm này hai bên không làm giấy tờ.

Đến ngày 02/7/2023, ông Bùi Văn P có viết Giấy thế chấp đề ngày 02/7/2023 tại nhà em ruột ông P là ông Bùi Quang T tại xã A, huyện Châu T, tỉnh Bến Tre và khi đó ông P giao bà B giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1 do ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mục đích cho vay để ông P kinh doanh làm đại lý vé số, nên ngày 02/7/2023 bà B yêu cầu ông P làm Giấy thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 đồng này. Thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng trả, vay ngày 02/7/2023 nên đến ngày 02/8/2023 đến hạn trả nợ. Vay tiền có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Giấy thế chấp này được lập một bản chính duy nhất và giao cho bà B giữ.

Từ ngày 02/7/2023 đến nay, bà B nhiều lần điện thoại yêu cầu ông P trả tiền nhưng ông không trả. Việc vay tiền này là P sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2, vay mượn tiền này phục vụ kinh tế chung của ông P và bà L2.

Nay bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 pH có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 02/8/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án là ngày 25/02/2025 với số tiền lãi là:

$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 150.000.000 \text{ đồng}.$

Nên tổng cộng vốn và lãi là: 1.150.000.000 đồng.

Sau khi phía ông P và bà L2 hoàn trả 1.000.000.000 đồng và lãi đầy đủ, thì bà B tự nguyện trả lại cho ông P 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1 do ông P đứng tên.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Văn P trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B, vì thực tế ông không có

nhận số tiền vay 1.000.000.000 đồng và trước đó 02-03 tháng tính từ ngày 02/7/2023, thì ông không có vay tiền gì từ phía bà B.

Ông thừa nhận vào ngày 02/7/2023, ông có viết Giấy thế chấp đề ngày 02/7/2023 và ký tên vào giấy. Nội dung thể hiện ông có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1 do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để vay của bà Lê Thị B số tiền 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, nghĩa là vay ngày 02/7/2023 nên đến ngày 02/8/2023 đến hạn trả nợ, vay lãi suất là 1%/tháng.

Sau khi viết giấy thế chấp xong thì ông giao bà B giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B yêu cầu ra công chứng mới chuyển tiền nhưng hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Bà B yêu cầu pH có vợ ông ký tên, bà B hẹn ông 05 ngày sau vợ chồng lên công chứng, nhưng vợ ông là bà Dương Thị B Trúc L2 không chịu ra công chứng. Vì vậy, Giấy thế chấp chỉ có một mình ông đứng tên, đó là lý do vì sao mặc dù ông có ký vào Giấy thế chấp nhưng vẫn chưa nhận 1.000.000.000 đồng từ bà B.

Vì vậy, ông không đồng ý trả bà B số tiền 1.000.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất, vì ông không có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2 trình bày:*

Bà và bà B không có quan hệ họ hàng và hoàn toàn không biết gì đến việc vay tiền, viết Giấy thế chấp giữa ông Bùi Văn P với bà Lê Thị B. Việc kinh doanh kinh tế chung gia đình thì bà và ông P bàn bạc với nhau. Nhưng bà không có nghe ông P nói cần có số tiền 1.000.000.000 đồng để kinh doanh.

Nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà không đồng ý cùng ông P trả số tiền 1.000.000.000 đồng và trả lãi suất 10%/năm, vì không có vay hay nhận 1.000.000.000 đồng này của bà B.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long) đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 pH có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

+ Nợ lãi: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B về việc sau khi ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà Lê Thị B tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ sẽ giao trả lại cho ông Bùi Văn P 01 Bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DB 175265, tại thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Bùi Văn P ngày 18/02/2022, theo sổ vào sổ cấp GCN: CH04278.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/3/2025, bị đơn ông Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Bị đơn ông Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị B là ông Phạm Quang H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông P, bà L2; yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long P biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 kháng cáo không đồng ý trả cho bà Lê Thị B số tiền 1.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, vì cho rằng không có vay hay nhận 1.000.000.000 đồng này của bà B.

Xét kháng cáo của ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 nhận thấy:

[2.1] Bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 pH có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền nợ vay là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 02/8/2023 cho đến ngày 25/02/2025 với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng. Chứng cứ mà bà B cung cấp cho Toà án là Giấy thế chấp đề ngày 02/7/2023 do ông P viết và ký tên.

Ông P thừa nhận ông có viết Giấy thế chấp đề ngày 02/7/2023, chữ ký “P” và chữ viết “*Bùi Văn P*” dưới mục “*Ký tên*” của Giấy thế chấp là do ông viết và ký tên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không pH chứng minh.

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định ông P có ký thế chấp cho bà B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay 1.000.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng (từ 02/7/2023 - 02/8/2023), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng (thực tế chưa đóng tháng nào). Mục đích vay tiền để kinh doanh vé số (vì ông P làm Đại lý vé số), nuôi tôm và đóng đảo hạn ngân hàng (BL 30).

Ông P cho rằng thực tế ông chưa nhận số tiền vay 1.000.000.000 đồng từ bà B vì vợ ông dối ý, không đồng ý vay của bà B, nên vợ ông không đồng ý ra Văn phòng công chứng để ký tên và chứng thực vào giấy thế chấp vay tiền. Tuy nhiên, bà B không thừa nhận việc này và ông P cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Nhận thấy, ông P thừa nhận ông là người viết “Giấy thế chấp” và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất số 147 cho bà B giữ nhưng lại cho rằng chưa nhận số tiền vay 1.000.000.000 đồng là không phù hợp với lý lẽ thông thường. Kể từ ngày 02/7/2023 là ngày ông P giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B cất giữ đến ngày bà B khởi kiện là ngày 04/11/2024, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông P đã khiếu nại việc bà B đã cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông nhưng không giao số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, việc ông P cho rằng ông chưa nhận số tiền 1.000.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền này cho bà B là không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ vào “*Giấy thế chấp đề ngày 02/7/2023*” có cơ sở xác định giữa ông Bùi Văn P và bà Lê Thị B có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản số tiền 1.000.000.000 đồng và ông P có thế chấp cho bà B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 147, tờ bản đồ số 24 xã L1. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được giao kết trên cơ sở

tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét thấy, việc ông P chậm thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo phân tích nêu trên, xác định ông P có vay tiền của bà B và chưa trả lãi. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà B từ ngày 02/8/2023 đến ngày 25/02/2025 (tính tròn là 18 tháng) theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới:

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa ông P và bà L2, thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 2009, nên ông P và bà L2 là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích vay tiền để kinh doanh vé số, nuôi tôm và đóng đảo hạn ngân hàng, nợ chung này P sinh trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ kinh tế và nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình, nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B buộc bà L2 và ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P:

Bà B đồng ý sau khi ông P và bà L2 hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho bà thì bà sẽ tự nguyện trả lại cho ông P 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 175265, cấp cho ông Bùi Văn P ngày 18/02/2022 theo số vào sổ cấp GCN: CH04278, tại thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre, do bà B đang giữ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà B và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận là đúng.

Từ những phân tích trên xét thấy, ông P và bà L2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và bà L2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P và bà L2 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị B Trúc L2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long).

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470; Điều 468, Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 pH có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị B về việc sau khi ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Thị B số tiền nợ vay là 1.150.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng) thì bà Lê Thị B tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ sẽ giao trả lại cho ông Bùi Văn P 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 175265, tại thửa 147, tờ bản đồ số 24, xã L1, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã L1, tỉnh Vĩnh Long), do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Bùi Văn P ngày 18/02/2022, theo số vào sổ cấp GCN: CH04278.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 pH có nghĩa vụ liên đới chịu 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn P và bà Dương Thị B Trúc L2 mỗi người pH chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008292 và 0008291 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8-Vĩnh Long). Ông P, bà L2 đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 8-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8-Vĩnh Long;
- Phòng GDKT, TT&THA T. Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạt**